

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 5 - 2019
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.
2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên
tòa:* Bà Đặng Thị Lan.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Xóm 5 (Thôn A), xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Đỗ Anh T1, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 9, phường H, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
Nơi cư trú: Ngách 04/381, đường N, tổ 29, phường Đ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 8, phân trại 4, trại giam L, thôn B, thị trấn Y, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Anh T1 kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thái Bình vào ngày 27/10/2017. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc được hai tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu khó làm ăn, thường không có mặt ở nhà, không quan tâm đến chị, chị có góp ý thì anh T mắng chửi chị, thậm chí còn kiêu căng đánh chị. Vì lúc này chị đang mang thai nên cố nhẫn nhịn vì con, sau đó thai bị chết lưu nên giữa chị và anh T không còn sự ràng buộc, hơn nữa cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 5 (thôn A, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình từ tháng 01/2018 để sinh sống và ly thân với anh T. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T cũng không đến tìm chị. Tháng 3/2018 anh T trộm cắp tài sản bị Tòa án xét xử và đi chấp hành án tại trại giam L, tỉnh Thanh Hóa chị cũng không đến gặp và thăm nuôi anh T. Đến nay Chị T xét thấy không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Anh T1, việc ly hôn chị đã suy nghĩ và hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đỗ Anh T1 không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Anh T1 trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn giữa anh và Chị T thống nhất như Chị T đã trình bày. Tuy nhiên anh và Chị T không ly thân mà do anh bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản từ ngày 28/02/2018 nên vợ chồng không gặp nhau, đến nay anh thấy không còn tình cảm với Chị T nữa nên Chị T làm đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn Chị T.

Về con chung: Anh và Chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hà Thị B1, mẹ đẻ của anh Đỗ Anh T1 trình bày: Anh T và Chị T kết hôn vào tháng 10/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn, anh T và Chị T đã có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi kết hôn anh T và Chị T ở cùng bà tại ngách 04/381, đường N, tổ 29, phường Đ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Quá trình

chung sống, anh T mãi chơi, không quan tâm đến Chị T. Ngày 24/12/2018 Chị T phải nhập viện vì thai chết lưu, khi xuất viện Chị T về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình ở từ đó đến nay. Anh T và Chị T không có con chung, cũng không có tài sản chung hay nợ chung. Nay Chị T có đơn xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn tuy không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa xét xử do đang chấp hành án tại trại giam L, tỉnh Thanh Hóa nhưng đã có bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt gửi Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đỗ Anh T1, không đặt ra giải quyết về nuôi con chung, cấp dưỡng cho con chung và tài sản chung vợ chồng. Về án phí: áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để các đương sự thực hiện quyền của mình nhưng bị đơn là anh Đỗ Anh T1 đang chấp hành án tại trại giam L, tỉnh Thanh Hóa nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được, anh T đã có bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Nguyên đơn là chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2017 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh T mãi chơi, không quan tâm đến chị, Chị T đã góp ý nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn mắng chửi chị, thậm chí đánh chị. Do xác định không thể chung sống với anh T được nữa nên Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh T từ tháng 01/2018 không ai quan tâm đến ai nữa. Tháng 3/2018 Chị T biết anh T bị bắt do có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chị cũng không thăm nuôi anh T. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng Chị T và anh T là có thật và đã ở mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đỗ Anh T1.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh T không có con chung nên không đặt ra giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản: Chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, Điều 227, Điều 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đỗ Anh T1.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0007392 ngày 26 tháng 12 năm 2018 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T, anh Đỗ Anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND phường H, TP Thái Bình (Số 27/27.10.2017)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền